

# Khảo sát kiến thức, thái độ và kỹ năng về thực hành dựa vào bằng chứng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Lê Thị Mỹ Việt\*, Kiều Thị Phương Thảo

Khoa Điều dưỡng - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

\*itmviet@ntt.edu.vn

## Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm mô tả kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Kết quả cho thấy, điểm trung bình năng lực EBP của sinh viên Điều dưỡng là  $3,19 \pm 0,33$ . Trong đó, điểm trung bình về kiến thức, thái độ và kỹ năng EBP lần lượt là  $2,92 \pm 0,53$ ;  $3,67 \pm 0,47$  và  $3,01 \pm 0,40$ . Các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê tác động đến kiến thức, thái độ và kỹ năng EBP bao gồm năm học; trình độ tiếng Anh; tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng nghiên cứu khoa học từ tạp chí và sử dụng Internet tìm kiếm các thông tin về EBP; tham gia tập huấn EBP và phương pháp nghiên cứu; quan tâm đến EBP và có ý định thực hiện EBP trong tương lai ( $p < 0,05$ ). Sinh viên Điều dưỡng có thái độ tích cực đối với EBP, kiến thức và kỹ năng ở mức độ trung bình. Bên cạnh đó, cũng cần phát triển những chiến lược giảng dạy hiệu quả nâng cao năng lực EBP đối với sinh viên Điều dưỡng.

Nhận 11/12/2024

Được duyệt 28/03/2025

Công bố 28/04/2025

## Từ khóa

kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành dựa vào bằng chứng, sinh viên Điều dưỡng

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

## 1 Đặt vấn đề

Thực hành dựa vào bằng chứng (EBP – evidence-based practice) đã và đang là năng lực cần thiết trong chăm sóc sức khỏe có chất lượng và cung cấp sự an toàn cho người bệnh trên thế giới [1]. EBP là năng lực quan trọng giúp cho điều dưỡng đưa ra những quyết định chăm sóc dựa trên cơ sở bằng chứng nghiên cứu hiện tại kết hợp với kinh nghiệm lâm sàng để đạt kết quả chăm sóc tốt nhất cho người bệnh [2]. Hội đồng Điều dưỡng quốc tế (ICN) đã chứng minh cam kết của các điều dưỡng viên trong việc tích cực phát triển một nền tảng kiến thức chuyên môn dựa trên nghiên cứu hỗ trợ

cho EBP [3]. Tại Việt Nam, EBP là một trong những năng lực cơ bản của điều dưỡng được Bộ Y tế ban hành vào ngày 24 tháng 12 năm 2022, khẳng định việc sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học và EBP để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng [4]. Nhận thấy tầm quan trọng của EBP trong thực hành điều dưỡng tại bệnh viện, đã có nhiều bài báo khảo sát về kiến thức, thái độ và kỹ năng về năng lực EBP của điều dưỡng Việt Nam và kết quả ghi nhận năng lực EBP ở mức trung bình [5-7]. Để nâng cao năng lực EBP trong tương lai, sinh viên Điều dưỡng (SVĐD) cần được giáo dục về EBP và nhận thức tầm quan trọng của



EBP khi ứng dụng trong thực tế chăm sóc người bệnh. EBP đã được tích hợp vào giảng dạy ở một số trường đại học trên thế giới với kỳ vọng bồi dưỡng và nâng cao khả năng EBP [8]. Việc bồi dưỡng khóa học EBP giúp SVDD có niềm tin tích cực và cải thiện khả năng ứng dụng EBP trong thực tế [9]. Có nhiều nghiên cứu khám phá kiến thức, thái độ, kỹ năng và năng lực EBP cũng như yếu tố liên quan của điều dưỡng có kinh nghiệm lâm sàng nhưng có rất ít nghiên cứu trên đối tượng SVDD đại học. Chính vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành để khảo sát kiến thức, thái độ và kỹ năng về EBP của SVDD tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) và khám phá một số yếu tố liên quan.

## 2 Phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: SVDD đang trong chương trình thực hành lâm sàng tại các bệnh viện, trung tâm y tế tại TPHCM trong thời gian nghiên cứu.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: SVDD năm thứ 3 và thứ 4 đồng ý tham gia nghiên cứu và đang trong chương trình thực hành lâm sàng.

Tiêu chuẩn loại trừ: SVDD không trả lời đầy đủ bộ câu hỏi khảo sát.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Khoa Điều dưỡng, NTTU từ 02/2024 đến 05/2024.

### 2.2 Phương pháp chọn mẫu và kích cỡ mẫu:

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu:

Trong đó: N: quy mô tổng thể mẫu (983 SVDD)

e: sai số (0,05)

n: số mẫu cần nghiên cứu = 284 người

Tổng số 296 SVDD đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu

Quy trình thu thập số liệu:

Thu thập số liệu được tiến hành thông qua bộ câu hỏi tự điền, tiến hành lấy ý kiến của sinh viên (SV) trong giờ giải lao tại NTTU bằng phiếu trả lời. Hướng dẫn và giải thích bộ câu hỏi trước khi tiến hành khảo sát thông qua hoàn thành phiếu trả lời.

Công cụ nghiên cứu:

Sử dụng bảng câu hỏi tự đánh giá năng lực thực hành dựa vào bằng chứng (EBP-COQ) [10]. Công cụ này đã được chứng minh có độ tin cậy và giá trị rất tốt. EBP-COQ gồm 25 câu hỏi chia làm 3 phần: thái độ với EBP (13 câu), kỹ năng về EBP (6 câu) và kiến thức về EBP (6 câu). Cronbach's alpha cho toàn bộ câu hỏi là 0,888 và giá trị tương ứng cho từng phần: thái độ về EBP (0,940), kỹ năng về EBP (0,756), kiến thức về EBP (0,800).

Bộ câu công cụ này đã được dịch sang tiếng Việt với Cronbach's alpha là 0,863. Trong đó, phần thái độ đối với EBP có Cronbach's alpha là 0,888, kỹ năng về EBP là 0,823, kiến thức về EBP là 0,830 [11].

SVDD được yêu cầu cho biết mức độ đồng ý hoặc không đồng ý đối với EBP-COQ theo thang đo Likert 5 điểm, dao động từ 1 (rất không đồng ý) đến 5 (rất đồng ý). Điểm trung bình được phân loại thành 3 mức: thấp (1,00-2,33), trung bình (2,34-3,66) và cao (3,67-5,00) [2].

### 2.4 Phương pháp xử lý dữ liệu

Sử dụng phần mềm SPSS.27 để xử lý và phân tích dữ liệu. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả thông tin nhân khẩu học, kiến thức, thái độ và kỹ năng của SVDD về EBP và được biểu diễn bằng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, tỉ lệ và phần trăm. Thống kê phân tích bao gồm kiểm định T-test, Anova và kiểm định hồi quy tuyến tính bội để phân tích mối liên quan của các yếu tố đến kiến thức, thái độ và kỹ năng EBP. Đạt mức ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

### 3 Kết quả nghiên cứu

**Bảng 1** Đặc điểm đối tượng tham gia nghiên cứu (n = 296)

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	21,65 ± 0,69 (GTNN 21 – GTLN 26)*	
Giới tính	Nam	46 15,5
	Nữ	250 84,5
Năm học	Năm 3	169 57,1
	Năm 4	127 42,9
Quan tâm đến EBP	Có	237 80,1
	Không	59 19,9
Tham gia tập huấn về EBP	Có	67 22,9
	Không	229 77,4
Ý định thực hiện EBP trong tương lai	Có	228 77,0
	Không	68 23,0
Tham gia tập huấn về phương pháp nghiên cứu	Có	110 37,2
	Không	186 62,8
Tần suất sử dụng Internet tìm kiếm các thông tin về EBP (giờ)	Không bao giờ	157 53,0
	< 40	121 40,9
	40-150	16 5,4
	> 150	2 0,7
Trình độ tiếng Anh	Không biết gì	79 26,7
	Đọc hiểu một phần	212 71,6
	Đọc hiểu thành thạo	5 1,7
Kỹ năng tìm kiếm bài báo NCKH	Không biết	23 7,8
	Trung bình	270 91,2
	Thành thạo	3 1,0
Tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng NCKH từ tạp chí (giờ)	Không bao giờ	118 39,9
	< 40	155 52,4
	40-150	10 6,8
	> 150	3 1,0

Ghi chú: GTNN: giá trị nhỏ nhất, GTLN: giá trị lớn nhất; EBP: thực hành dựa vào bằng chứng; NCKH: nghiên cứu khoa học

Bảng 1 mô tả các đặc điểm cơ bản của đối tượng nghiên cứu dựa trên các yếu tố khác nhau. Cụ thể, kết quả thống kê cho thấy độ tuổi trung bình tham gia nghiên cứu là 21,65

± 0,69, trong đó tỉ lệ nữ giới (84,5 %) cao hơn nam giới (15,5 %), SV năm 3 (57,1 %) cao hơn năm 4 (42,9 %). Phần lớn SV quan tâm đến EBP và có ý định sử dụng EBP trong tương lai lần lượt chiếm tỉ lệ 80,1 % và 77,0 %. Kết quả nghiên cứu ghi nhận các đối tượng tham gia nghiên cứu đều nhận xét không được tham gia tập huấn về EBP (77,4 %)

và phương pháp nghiên cứu (62,8 %). Bên cạnh đó nghiên cứu cũng ghi nhận SV không bao giờ sử dụng Internet tìm kiếm thông tin EBP (53 %) và không bao giờ tìm kiếm thông tin bằng chứng NCKH từ tạp chí (39,9 %). Phần lớn các đối tượng nghiên cứu đều nhận xét trình độ tiếng Anh ở mức đọc hiểu một phần (71,6 %) và kỹ năng tìm kiếm bài báo NCKH từ tạp chí ở mức trung bình (91,2 %)

**Bảng 2** Điểm trung bình kiến thức, thái độ và kỹ năng EBP

Đặc điểm	Tổng (n = 296)	
	TB ± SD	Mức độ
Kiến thức	2,92 ± 0,53	Trung bình

**Bảng 3** Yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức EBP

Đặc điểm		TB ± ĐLC	t*	F**	Giá trị p
Tham gia tập huấn về EBP	Có	3,06 ± 0,45	-2,52		0,012
	Không	2,89 ± 0,54			
Trình độ tiếng Anh	Không biết gì	2,76 ± 0,52		5,73	0,004
	Đọc hiểu một phần	2,97 ± 0,52			
	Đọc hiểu thành thạo	3,23 ± 0,48			
Tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng NCKH từ tạp chí (giờ)	Không bao giờ	2,82 ± 0,54		2,58	0,04
	< 40	2,99 ± 0,48			
	40-150	2,98 ± 0,63			
	> 150	3,05 ± 0,85			

Bảng 3 mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức EBP. Cụ thể, kết quả phân tích ghi nhận SV có tham gia tập huấn về EBP có điểm trung bình kiến thức EBP (3,06 ± 0,45) cao hơn không tham gia tập huấn EBP (2,89 ± 0,54) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p =

**Bảng 4** Yếu tố ảnh hưởng đến thái độ EBP

Đặc điểm		TB ± ĐLC	t*	F**	Giá trị p
Năm học	Năm 3	3,62 ± 0,48	2,14		0,033
	Năm 4	3,73 ± 0,45			
Quan tâm đến EBP	Có	3,74 ± 0,43	-4,89		< 0,001
	Không	3,39 ± 0,50			
Tham gia tập huấn về EBP	Có	3,79 ± 0,50	2,56		0,011
	Không	3,63 ± 0,45			
Ý định thực hiện EBP trong tương lai	Có	3,74 ± 0,44	-5,15		< 0,001

Thái độ	3,67 ± 0,47	Cao
Kỹ năng	3,01 ± 0,40	Trung bình
Năng lực EBP	3,19 ± 0,33	Trung bình

Bảng 2 mô tả điểm trung bình kiến thức, thái độ và kỹ năng EBP của SV. Cụ thể, kết quả nghiên cứu ghi nhận năng lực tự nhận thức về EBP của SVĐD tại NTTU ở mức trung bình (3,19 ± 0,33). Đối với phân nhóm kiến thức và kỹ năng về EBP ở mức trung bình lần lượt là 2,92 ± 0,53 và 3,01 ± 0,40. So với kiến thức và kỹ năng về EBP thì SVĐD có thái độ tích cực, đạt điểm trung bình cao nhất (3,67 ± 0,47).

0,012. Kết quả phép kiểm Anova cũng ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giá trị trung bình kiến thức EBP giữa các nhóm trình độ tiếng Anh (p = 0,004) và nhóm tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng NCKH từ tạp chí (p = 0,04).

	Không	3,42 ± 0,48			
Tham gia tập huấn về phương pháp nghiên cứu	Có	3,75 ± 0,47	-2,36		0,019
	Không	3,62 ± 0,46			
Tần suất sử dụng Internet tìm kiếm các thông tin về EBP (giờ)	Không bao giờ	3,58 ± 0,42		6.31	< 0,001
	< 40	3,76 ± 0,49			
	40- 150	3,92 ± 0,42			
	> 150	3,11 ± 0,16			

\* Phép kiểm t-test, \*\* Phép kiểm Anova

Bảng 4 mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ EBP. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng SV năm 4 ( $3,73 \pm 0,45$ ) có thái độ tích cực về EBP hơn SV năm 3 ( $3,62 \pm 0,48$ ) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,033$ . Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giá trị trung bình thái độ EBP giữa các nhóm quan tâm đến EBP ( $p < 0,001$ ); tham gia tập huấn về EBP ( $p = 0,001$ ); ý định thực hiện EBP trong tương lai ( $p < 0,001$ ); tham gia tập huấn về phương pháp nghiên cứu ( $p = 0,019$ ) và tần suất sử dụng Internet tìm kiếm các thông tin về EBP ( $p < 0,001$ ).

**Bảng 5** Yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng EBP

Đặc điểm		TB ± DLC	F**	Giá trị p
Trình độ tiếng Anh	Không biết gì	2,89 ± 0,44	4,17	0,016
	Đọc hiểu một phần	3,04 ± 0,38		
	Đọc hiểu thành thạo	3,10 ± 0,34		
Tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng NCKH từ tạp chí (giờ)	Không bao giờ	2,93 ± 0,45	3,13	0,026
	< 40	3,03 ± 0,35		
	40-150	3,19 ± 0,34		
	> 150	2,94 ± 0,25		

\*\* Phép kiểm Anova

Bảng 5 mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng EBP. Cụ thể, kết quả phân tích ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giá trị trung bình kỹ năng EBP giữa các nhóm trình độ tiếng Anh ( $p = 0,016$ ) và nhóm tìm kiếm thông tin bằng chứng NCKH từ tạp chí ( $p = 0,026$ ).

#### 4 Thảo luận

##### 4.1 Kiến thức, thái độ và kỹ năng về EBP của SVĐD

Kết quả nghiên cứu ghi nhận SVĐD có điểm trung bình cao về thái độ đối với EBP ( $3,67 \pm 0,47$ ). Dữ liệu phản ánh thái độ tích cực chung của SV đối với việc áp dụng EBP. Kết quả này tương đồng với nhiều kết quả nghiên cứu của các tác giả khác [1, 10, 12]. Điều này cho thấy

rằng SVĐD nhận ra tầm quan trọng của việc tích hợp các phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng vào quá trình ra quyết định lâm sàng. Các phát hiện cũng làm nổi bật tiềm năng của những thái độ này tác động tích cực đến chất lượng chăm sóc được cung cấp trong các bối cảnh lâm sàng vì SV có nhận thức thuận lợi về EBP bất kể việc nắm vững kiến thức và kỹ năng về EBP ở mức trung bình.

Nghiên cứu ghi nhận điểm trung bình về kiến thức và kỹ năng EBP đạt mức trung bình ( $2,92 \pm 0,53$  và  $3,01 \pm 0,40$ ). Kết quả nghiên cứu này cho thấy có sự tương đồng với nghiên cứu tại châu Phi [1] và Ả Rập [2]. Sự phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển chiến lược giảng dạy EBP để nâng cao kiến thức



và kỹ năng về EBP cho SVĐD. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này thấp hơn nghiên cứu ở Tây Ban Nha, nơi ghi nhận điểm trung bình kiến thức và kỹ năng EBP đạt mức cao (lần lượt là  $4,23 \pm 0,35$  và  $3,93 \pm 0,36$ ) [10]. Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi thực tế EBP đã được triển khai như một môn học trong chương trình đào tạo ở quốc gia này, trong nghiên cứu này khái niệm về EBP vẫn còn xa lạ đối với SVĐD khi được phỏng vấn.

#### 4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và kỹ năng về EBP của SVĐD

Kết quả nghiên cứu ghi nhận một số yếu tố liên quan như năm học; trình độ tiếng Anh; tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng nghiên cứu khoa học từ tạp chí và sử dụng Internet tìm kiếm các thông tin về EBP; tham gia tập huấn EBP và phương pháp nghiên cứu; quan tâm đến EBP và có ý định thực hiện EBP trong tương lai là những yếu tố dự đoán mạnh mẽ về kiến thức, kỹ năng và thái độ EBP.

Nghiên cứu ghi nhận SV năm cuối có thái độ về EBP tích cực hơn năm 3 ( $p = 0,033$ ). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu khác, ghi nhận SV năm cuối có điểm trung bình thái độ EBP cao hơn SV năm 2 và năm 3 [2]. Vấn đề này có thể được giải thích bởi cấu trúc hiện tại của chương trình giảng dạy điều dưỡng năm cuối, cách tiếp cận và thực hiện thực tế EBP trong quá trình thực tập lâm sàng giúp SV có thái độ tích cực về EBP.

Nghiên cứu chỉ ra rằng SV có trình độ tiếng Anh tốt hơn cho biết họ có kiến thức và kỹ năng EBP. Những phát hiện này phù hợp với nghiên cứu trước đây đã được tiến hành trên đối tượng SVĐD đại học tại châu Phi [1]. Điều này cho thấy rằng năng lực tiếng Anh là một thách thức lớn đối với những nước mà tiếng Anh không phải là ngôn ngữ chính.

Kết quả nghiên cứu ghi nhận 53 % SVĐD không sử dụng Internet tìm kiếm các thông tin về EBP. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu tại Ả Rập [2] đã chỉ ra rằng 51 % SVĐD không tối đa hóa việc sử dụng Internet tìm kiếm thông tin bằng chứng nghiên cứu khoa học từ tạp chí, mặc dù việc truy cập này được miễn phí. Việc củng cố và hướng dẫn SV về vấn đề này là hết sức cần thiết vào thời gian đầu khi tham gia thực tập tại bệnh viện để nâng cao kiến thức và kỹ năng về EBP.

Nghiên cứu chỉ ra rằng SV có tham gia tập huấn EBP và phương pháp nghiên cứu ảnh hưởng đáng kể đến kiến thức và thái độ EBP. Kết quả này có thể được giải thích khi SV tham gia những khóa học hay hội thảo về EBP sẽ giúp họ nâng cao kiến thức và thái độ năng lực EBP, từ đó khuyến khích niềm tin tích cực đối với EBP. Kết quả tương tự nghiên cứu tại châu Phi [1] và Ả Rập [13], chỉ ra rằng tham gia khóa học về tập huấn phương pháp và thống kê tác động tích cực đến năng lực EBP, đồng thời tăng niềm tin thực hiện EBP. Do đó, để nâng cao năng lực EBP cho điều dưỡng trong tương lai và cải thiện kết quả chăm sóc tốt nhất cho người bệnh thì việc dạy cho SVĐD kiến thức về EBP về cách tiếp cận cũng như ứng dụng vào thực tế là việc hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng ghi nhận SV quan tâm và có ý định thực hiện EBP trong tương thể hiện thái độ tích cực đối với EBP. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng 77 % SVĐD có ý định thực hiện EPB trong tương lai. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu tại Ả Rập (79 %) [2]. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hỗ trợ SVĐD có thái độ tích cực đối với việc sử dụng EBP đồng thời nâng cao kiến thức và kỹ năng trong việc áp dụng vào thực tế. Sự vận dụng EBP vào thực tế lâm sàng là một trong những thách thức lớn đối với giáo dục điều dưỡng. Do đó, cần có sự phối

hợp giữa môi trường giáo dục và cơ sở chăm sóc sức khỏe để thúc đẩy phong trào EBP thông qua những giá trị của nó đã được chứng minh.

## 5 Kết luận

SVDD đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng đến việc áp dụng EBP trong tương lai để nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh đạt kết quả tốt nhất. Do đó, cần hiểu rõ kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV để có thể xây dựng các chiến lược dạy học EBP cũng như tìm hiểu các yếu tố liên quan dự đoán năng lực EBP để phát triển chiến lược giáo dục một cách hiệu quả. Kết quả nghiên cứu ghi nhận SVDD có thái độ tích cực đối với EBP,

kiến thức và kỹ năng EBP ở mức trung bình. Các yếu tố dự báo năng lực EBP trong nghiên cứu bao gồm năm học; trình độ tiếng Anh; tần suất tìm kiếm thông tin bằng chứng nghiên cứu khoa học từ tạp chí và sử dụng internet tìm kiếm các thông tin về EBP; tham gia tập huấn EBP và phương pháp nghiên cứu; quan tâm đến EBP và có ý định thực hiện EBP trong tương lai. Các nhà giáo dục đại học điều dưỡng và cơ quan quản lý y tế có vai trò then chốt trong việc đào tạo năng lực EBP và ứng dụng vào lâm sàng của điều dưỡng tương lai.

### Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí bởi Trường ĐH Nguyễn Tất Thành, mã số 2024.01.70/HĐ –KHCN.

## Tài liệu tham khảo

1. Tlili M.A., Aouicha W., Tarchoune S, et al. (2022). Predictors of evidence-based practice competency among Tunisian nursing students. *BMC Medical Education*, 22(1), 421.
2. Labrague L.J., McEnroe-Pettite D., Tsaras K., et al. (2019). Predictors of evidence-based practice knowledge, skills, and attitudes among nursing students. In *Nursing forum*, 54(2), 238-245.
3. Aiken, L. H., & Fagin, C. M. (2018). Evidence-based Nurse Staffing: ICN's New Position Statement. *International Nursing Review*, 65(4)
4. Quyết định 1352/QĐ-BYT 2022 tài liệu *Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam*.
5. Lê Thị Kim Chi và cộng sự. (2024). Kiến thức, thái độ của điều dưỡng về thực hành dựa trên chứng cứ và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, (74), 59-65.
6. Nguyễn Trọng Thu và cộng sự. (2023). Kiến thức - kỹ năng, thái độ và ứng dụng thực hành dựa trên bằng chứng của điều dưỡng tại bệnh viện Lê Văn Thịnh: một nghiên cứu khảo sát cắt ngang. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 530 (1B).
7. Chu Thị Nguyệt và cộng sự. (2023). Kiến thức thức về thực hành dựa vào bằng chứng của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh năm 2022. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 530 (1).
8. Nantsupawat A., Wichai khum O.-A., Abhichartibutra K., et al. (2023). Factors influencing evidence-based practice among undergraduate nursing students: A cross-sectional analysis. *International Journal of Nursing Sciences*, 10 (3), 367-372.



9. Mai Nguyễn Thanh Trúc và cộng sự (2022). Đánh giá tác động khóa học thực hành dựa trên bằng chứng trên sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 156 (8).
10. Ruzafa-Martinez M., Lopez-Iborra L., Moreno-Casbas T., et al. (2013). Development and validation of the competence in evidence based practice questionnaire (EBP-COQ) among nursing students. *BMC Medical Education*, 13, 19.
11. Dương Thị Ngọc Bích và cộng sự (2022). Đánh giá năng lực thực hành dựa vào bằng chứng (EBP) của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 5(04), 60-69.
12. Myakava L.H.K., Santos M.A.D., Püschel V.A.A. (2021). Knowledge, skills, and attitudes of nursing students on evidence-based practice. *Revista da Escola de Enfermagem da USP*, 55, e20200428, 55, e20200428.
13. Abu-Baker N.N., AbuAlrub S., Obeidat R.F. et al. (2021). Evidence-based practice beliefs and implementations: a cross-sectional study among undergraduate nursing students. *BMC Nursing*, 20, 1-8.

## Survey of evidence-based practice knowledge, attitudes and skills among nursing students at Nguyen Tat Thanh University

Le Thi My Viet\*, Kieu Thi Phuong Thao

Nursing Department, Nguyen Tat Thanh University

\*ltmviet@ntt.edu.vn

**Abstract** Evidence-based practice (EBP) competence is highly valued in nursing education as a mean to enhance the quality and effectiveness of patient care. This study aimed to describe the knowledge, attitudes, and skills related to EBP among nursing students and determine the factors predicting EBP competency. A total of 296 nursing students participated in a descriptive cross-sectional study conducted at Nguyen Tat Thanh University between February and May 2024. The overall score on the EBP-COQ questionnaire was  $3.19 \pm 0.33$ . The mean scores for the knowledge, attitude, and skills scales were  $2.92 \pm 0.53$ ,  $3.67 \pm 0.47$ , and  $3.01 \pm 0.40$ , respectively. Several factors significantly influenced EBP knowledge, attitudes, and skills, including academic level, English-language proficiency, access to EBP journals and Internet resources, training in EBP and research methodology, familiarity with EBP, and intention to implement EBP ( $p < 0.05$ ). Nguyen Tat Thanh nursing students demonstrated positive attitudes but moderate knowledge and skills towards EBP. Therefore, developing effective strategies for EBP curriculum remains essential.

**Keywords** Knowledge, attitudes, skill evidence-based practice, nursing student.